

CHÍNH PHỦ*Chương II***THÀNH LẬP MỚI CÔNG TY
NHÀ NƯỚC**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
180/2004/NĐ-CP ngày 28/10/2004
về thành lập mới, tổ chức lại
và giải thể công ty nhà nước.**

Điều 2. Điều kiện thành lập mới công ty nhà nước

CHÍNH PHỦ

1. Việc thành lập mới công ty nhà nước chỉ được xem xét khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 Luật Doanh nghiệp nhà nước và các yêu cầu sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

a) Thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn thành lập mới công ty nhà nước quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Đảm bảo đủ vốn điều lệ quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Đề án thành lập mới công ty nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI
ĐIỀU CHỈNH**

2. Đối với tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập mới còn phải đáp ứng những điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 48 Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập mới công ty nhà nước

Công ty nhà nước được xem xét thành lập mới ở những ngành, lĩnh vực, địa bàn sau:

1. Sản xuất, cung ứng vật liệu nổ;
2. Sản xuất, cung ứng hóa chất độc;
3. Sản xuất, cung ứng chất phóng xạ;

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này áp dụng cho công ty nhà nước quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức dưới hình thức công ty nhà nước độc lập và tổng công ty nhà nước.

2. Nghị định này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước.

4. Hệ thống truyền tải điện quốc gia;
5. Mạng trực thông tin quốc gia và quốc tế;
6. Sản xuất thuốc lá điếu;
7. Điều hành bay;
8. Bảo đảm hàng hải;
9. Sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; trang thiết bị, kỹ thuật và cung ứng dịch vụ bảo mật thông tin bằng kỹ thuật nghiệp vụ mật mã;
10. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đặc biệt và các công ty đóng tại các địa bàn chiến lược quan trọng kết hợp kinh tế với quốc phòng;
11. In tiền, chứng chỉ có giá; sản xuất tiền kim loại;
12. Xổ số kiến thiết;
13. Xuất bản sách, báo;
14. Đo đạc bản đồ;
15. Quản lý, bảo trì hệ thống đường sắt quốc gia, cảng hàng không và cảng biển có quy mô lớn, vị trí quan trọng;
16. Quản lý, khai thác công trình thủy nông đầu nguồn, công trình thủy nông có quy mô lớn;
17. Thoát nước ở đô thị lớn;
18. Chiếu sáng đô thị;
19. Chế biến dầu mỏ;
20. Khai thác quặng có chất phóng xạ;

21. Đóng và sửa chữa phương tiện vận tải đường không;

22. Bán buôn thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, hóa dược;

23. Bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa;

24. Một số ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Mức vốn điều lệ của công ty nhà nước thành lập mới

1. Công ty nhà nước thành lập mới phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn:

a) 30 tỷ đồng đối với công ty nhà nước độc lập;

b) 500 tỷ đồng đối với tổng công ty nhà nước.

2. Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ của công ty nhà nước thành lập mới không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

3. Đối với một số ngành, lĩnh vực, địa bàn đặc thù thì vốn điều lệ của công ty nhà nước thành lập mới có thể thấp hơn mức quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Điều 5. Người đề nghị thành lập mới công ty nhà nước

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ trưởng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là người đề nghị thành lập mới công ty nhà nước.

Điều 6. Đề án thành lập mới công ty nhà nước

1. Căn cứ vào nhu cầu phát triển và ngành, lĩnh vực, địa bàn được xem xét thành lập mới công ty nhà nước quy định tại Điều 3 Nghị định này, người đề nghị thành lập mới công ty nhà nước xây dựng đề án thành lập mới công ty nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Đề án thành lập mới công ty nhà nước phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Doanh nghiệp nhà nước và phải đáp ứng các điều kiện về mức vốn điều lệ quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Khi lựa chọn tên công ty nhà nước, người lập đề án phối hợp với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi dự định đặt trụ sở chính công ty nhà nước, để đảm bảo tên công ty nhà nước không trùng hoặc không gây nhầm lẫn với tên công ty khác đã đăng ký kinh doanh.

4. Trường hợp thành lập mới công ty nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ, đề án thành lập mới công ty nhà nước được lập thành 10 bộ gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là thường trực Hội đồng thẩm

định đề án thành lập mới công ty nhà nước.

Trường hợp thành lập mới công ty nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đề án thành lập mới công ty nhà nước được lập thành 10 bộ gửi tới Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức thẩm định.

Điều 7. Hội đồng thẩm định đề án thành lập mới công ty nhà nước

1. Người quyết định thành lập mới công ty nhà nước phải lập Hội đồng thẩm định để thẩm định đề án thành lập mới công ty nhà nước. Hội đồng thẩm định đề án thành lập mới công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định) là cơ quan tư vấn cho người quyết định thành lập mới công ty nhà nước. Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu người đề nghị thành lập mới công ty nhà nước điều chỉnh, bổ sung hoặc giải trình những vấn đề liên quan đến đề án. Người quyết định thành lập chịu trách nhiệm về quyết định thành lập mới công ty nhà nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là thường trực Hội đồng thẩm định các đề án thành lập mới công ty nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập Hội đồng thẩm định này.

Hội đồng thẩm định gồm đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ

Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ quản lý ngành, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi công ty nhà nước dự định đặt trụ sở chính. Tùy từng trường hợp cụ thể, thường trực Hội đồng thẩm định có thể mời thêm đại diện của cơ quan, tổ chức khác.

3. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Hội đồng thẩm định thành lập mới công ty nhà nước do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập. Thành viên Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 8. Nội dung thẩm định đề án thành lập mới công ty nhà nước

Nội dung thẩm định đề án thành lập mới công ty nhà nước bao gồm:

1. Sự cần thiết thành lập mới công ty nhà nước;
2. Hiệu quả kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập công ty với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế;
3. Danh mục sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng; tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do công ty cung ứng; khả năng tiêu thụ và cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của công ty;
4. Trình độ công nghệ; khả năng cung ứng lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng và các điều kiện cần thiết khác để công ty hoạt động sau khi thành lập;

5. Quy mô vốn điều lệ và các giải pháp hình thành vốn; phương án hoàn trả vốn;

6. Sự phù hợp và tính hợp lý của mô hình tổ chức công ty nhà nước;

7. Tác động của công ty đối với môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy trình thẩm định đề án và hồ sơ thành lập mới công ty nhà nước.

1. Đối với thành lập mới công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đề án lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trường hợp có ý kiến khác nhau về những nội dung chủ yếu của đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp Hội đồng thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Thời hạn thẩm định đề án:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đề án để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề án, các thành viên Hội đồng thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung đề án thuộc phạm vi quản lý của mình. Quá thời hạn trên, thành viên được hỏi ý kiến không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận đề án.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể

từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình ý kiến thẩm định lên Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trường hợp có ý kiến khác nhau của thành viên Hội đồng thẩm định về những nội dung chủ yếu của Đề án, phải tổ chức họp Hội đồng thẩm định, thì thời gian để Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình ý kiến thẩm định lên Thủ tướng Chính phủ có thể kéo dài thêm không quá 10 ngày làm việc.

2. Đối với thành lập mới công ty nhà nước do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập:

a) Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, tổ chức họp để xem xét đề án thành lập mới công ty nhà nước. Sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành về đề án thành lập mới công ty nhà nước do mình đề nghị thành lập trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Thời hạn thẩm định và lấy ý kiến về đề án:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định hoàn thành việc thẩm định đề án thành lập mới công ty nhà nước và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đề án

kèm theo ý kiến thẩm định tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề án kèm theo ý kiến thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Quá thời hạn trên, Bộ được hỏi ý kiến không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận đề án.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình đề án đã được thẩm định kèm theo ý kiến của các Bộ được hỏi ý kiến lên Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ thành lập mới công ty nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Doanh nghiệp nhà nước.

4. Hồ sơ thành lập mới công ty nhà nước được lập thành 3 bộ và gửi tới người có thẩm quyền quyết định thành lập quy định tại Điều 10 Nghị định này trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày đề án được phê duyệt.

Đối với thành lập mới công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, hồ sơ thành lập mới công ty nhà nước được lập và trình Thủ tướng Chính phủ ngay sau khi gửi đề án thành lập mới công ty nhà nước cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thành lập mới công ty nhà nước, người có thẩm quyền quyết định thành lập mới công ty nhà nước quyết định thành lập hoặc không thành lập mới công ty nhà nước.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thành lập mới công ty nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập các công ty nhà nước sau:

a) Tổng công ty nhà nước đặc biệt quan trọng;

b) Công ty nhà nước độc lập đặc biệt quan trọng theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập các công ty nhà nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Quyết định thành lập mới công ty nhà nước

1. Quyết định thành lập mới công ty nhà nước phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên công ty nhà nước, bao gồm tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có);

b) Hình thức tổ chức của công ty;

c) Địa chỉ trụ sở chính của công ty;

d) Ngành, nghề kinh doanh;

đ) Vốn điều lệ;

e) Tổ chức quản lý của công ty;

f) Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

g) Tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty thành viên (đối với tổng công ty nhà nước).

2. Khi quyết định thành lập mới công ty nhà nước phải đồng thời tiến hành bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị; quyết định việc bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Giám đốc công ty không có Hội đồng quản trị.

Điều 12. Công ty thành viên hạch toán độc lập của tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập

Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty thành viên hạch toán độc lập của tổng công ty nhà nước do mình quyết định thành lập, sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty nhà nước

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước.

Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện một phần hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của công ty nhà nước.

Văn phòng đại diện có nhiệm vụ đại diện cho công ty nhà nước để xúc tiến các hoạt động, nhưng không được kinh doanh.

2. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện do công

ty nhà nước quyết định. Công ty thực hiện đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo bằng văn bản cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính.

Điều 14. Thời điểm kinh doanh

Công ty nhà nước có quyền kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì công ty nhà nước được quyền kinh doanh các ngành, nghề đó kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

Điều 15. Cơ quan đăng ký kinh doanh

Phòng đăng ký kinh doanh trong Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) là cơ quan đăng ký kinh doanh đối với công ty nhà nước.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký kinh doanh

Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với công ty nhà nước gồm:

1. Đơn đăng ký kinh doanh lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định;
2. Quyết định thành lập công ty nhà nước của người có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này;
3. Quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng

thuê Tổng giám đốc công ty có Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty không có Hội đồng quản trị;

4. Điều lệ công ty nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

5. Chứng chỉ hành nghề của ít nhất một trong số những người có chức danh là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty có Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty không có Hội đồng quản trị, đối với trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề.

Điều 17. Trình tự và thủ tục đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thành lập có hiệu lực, công ty nhà nước phải đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty nhà nước đặt trụ sở chính. Quá thời hạn này mà công ty nhà nước chưa đăng ký kinh doanh, thì phải có ý kiến bằng văn bản về việc gia hạn của người quyết định thành lập.

2. Người đại diện công ty nhà nước hoặc người được ủy quyền bằng văn bản nộp một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Công ty nhà nước có thể gửi hồ sơ qua địa chỉ Email của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, trường hợp này khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty nhà nước phải nộp một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh (hồ sơ trên giấy) để đối chiếu và lưu hồ sơ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể

từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty nhà nước.

Điều 18. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty nhà nước

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty nhà nước phải có các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty;
2. Số, ngày, tháng, năm quyết định thành lập và tên cơ quan quyết định thành lập công ty;
3. Ngành, nghề kinh doanh;
4. Vốn điều lệ;
5. Họ tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu của Tổng giám đốc công ty nhà nước có Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty nhà nước không có Hội đồng quản trị;
6. Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);
7. Tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty thành viên của tổng công ty nhà nước.

Điều 19. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

1. Khi thay đổi các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty nhà nước phải đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh.
2. Các thay đổi sau phải được người có

thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản và nộp cùng hồ sơ tại Phòng đăng ký kinh doanh:

- a) Tên công ty nhà nước;
- b) Địa chỉ trụ sở chính;
- c) Ngành, nghề kinh doanh;
- d) Vốn điều lệ;
- đ) Giám đốc (Tổng giám đốc).

Chương III

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 20. Tổ chức lại công ty nhà nước

1. Tổ chức lại công ty nhà nước quy định tại Nghị định này gồm:

- a) Sáp nhập công ty nhà nước;
- b) Hợp nhất công ty nhà nước;
- c) Chia công ty nhà nước;
- d) Tách công ty nhà nước.

2. Việc tổ chức lại công ty nhà nước theo hình thức khác được quy định tại các văn bản có liên quan.

Điều 21. Điều kiện tổ chức lại công ty nhà nước

Công ty nhà nước đáp ứng đủ các điều kiện sau đây thì được tổ chức lại:

1. Phù hợp với đề án tổng thể sắp xếp và phát triển công ty nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; không

thuộc diện cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê.

2. Các công ty nhà nước sau khi tổ chức lại phải đảm bảo đủ điều kiện về vốn điều lệ và các điều kiện khác tương ứng như đối với thành lập mới công ty nhà nước.

Điều 22. Sáp nhập công ty nhà nước

1. Một hoặc một số công ty nhà nước (gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty nhà nước khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) theo quyết định của người quyết định thành lập công ty nhận sáp nhập.

Công ty bị sáp nhập chấm dứt sự tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền lợi hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ hợp pháp khác của công ty bị sáp nhập.

2. Trường hợp sáp nhập các công ty nhà nước giữa các Bộ, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giữa công ty nhà nước do Bộ và công ty nhà nước do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, thì cơ quan quyết định thành lập công ty nhận sáp nhập ra quyết định sáp nhập, trên cơ sở ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của cơ quan quyết định thành lập công ty bị sáp nhập.

3. Công ty nhận sáp nhập thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính. Công ty bị sáp nhập nộp lại Giấy

chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty.

Điều 23. Hợp nhất công ty nhà nước

1. Hai hoặc một số công ty nhà nước (gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất với nhau thành một công ty nhà nước mới (gọi là công ty hợp nhất) theo quyết định của người quyết định thành lập công ty bị hợp nhất.

Các công ty bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; công ty hợp nhất được hưởng các quyền lợi hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ hợp pháp khác của các công ty bị hợp nhất.

2. Trường hợp hợp nhất các công ty nhà nước giữa các Bộ, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giữa công ty nhà nước do Bộ và công ty nhà nước do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, thì cơ quan được thỏa thuận sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu của công ty hợp nhất ra quyết định hợp nhất công ty.

3. Công ty hợp nhất thực hiện đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Các công ty bị hợp nhất nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty.

Điều 24. Chia công ty nhà nước

1. Một công ty nhà nước (gọi là công ty bị chia) có thể chia thành hai hoặc một số công ty nhà nước mới (gọi là công ty được chia) theo quyết định của người quyết định thành lập công ty bị chia, nếu các công ty được chia đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này.

Quyền và nghĩa vụ của công ty bị chia phải được phân định rõ cho các công ty được chia.

2. Các công ty được chia thực hiện đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính. Công ty bị chia nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty.

Điều 25. Tách công ty nhà nước

1. Một công ty nhà nước (gọi là công ty bị tách) có thể tách một hoặc một số đơn vị phụ thuộc để thành lập một hoặc một số công ty nhà nước mới (gọi là công ty được tách) theo quyết định của người quyết định thành lập công ty bị tách, nếu công ty sau khi bị tách và công ty được tách đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này.

Quyền và nghĩa vụ của công ty bị tách phải được phân định rõ cho công ty sau khi bị tách và các công ty được tách.

2. Công ty bị tách thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đã đăng ký kinh doanh. Công ty được tách thực hiện đăng ký kinh doanh

tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty được tách đặt trụ sở chính.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị tổ chức lại công ty nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị tổ chức lại công ty nhà nước do công ty xây dựng, trình người quyết định thành lập công ty.

2. Hồ sơ đề nghị tổ chức lại công ty nhà nước gồm:

a) Đơn đề nghị tổ chức lại công ty nhà nước;

b) Điều lệ của công ty nhà nước mới;

c) Báo cáo tài chính của các công ty trước khi tổ chức lại;

d) Đề án tổ chức lại công ty nhà nước;

đ) Thỏa thuận bằng văn bản của người đã quyết định thành lập công ty nhà nước đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất quy định tại khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 23 Nghị định này;

e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc tổ chức lại công ty nhà nước.

Điều 27. Đề án tổ chức lại công ty nhà nước

Đề án tổ chức lại công ty nhà nước phải có các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, địa chỉ các công ty nhà nước trước và sau khi tổ chức lại.

2. Sự cần thiết tổ chức lại công ty nhà nước; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trên toàn quốc.

3. Phương án sắp xếp, sử dụng lao động.

4. Phương án giải quyết các quyền và nghĩa vụ của các công ty nhà nước liên quan đến việc tổ chức lại.

5. Thời hạn thực hiện tổ chức lại công ty nhà nước.

Điều 28. Thời hạn xem xét, trả lời hồ sơ tổ chức lại công ty nhà nước

Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị tổ chức lại công ty nhà nước, người quyết định thành lập công ty quyết định tổ chức lại hoặc không tổ chức lại công ty nhà nước. Quyết định tổ chức lại công ty nhà nước phải quy định rõ việc kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty nhà nước được tổ chức lại.

Điều 29. Giải thể công ty nhà nước

1. Công ty nhà nước bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hoạt động ghi trong quyết định thành lập mà công ty không xin gia hạn;

b) Công ty nhà nước kinh doanh thua lỗ 03 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại công ty trở lên, nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

c) Công ty nhà nước không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

d) Việc tiếp tục duy trì công ty là không cần thiết.

2. Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập không thực hiện được các mục tiêu quy định tại khoản 5 Điều 48 Luật Doanh nghiệp nhà nước thì giải thể bộ máy quản lý tổng công ty, chuyển các công ty thành viên thành các công ty nhà nước độc lập.

Điều 30. Người đề nghị giải thể công ty nhà nước

Cơ quan, tổ chức (sau đây gọi tắt là người đề nghị) đề nghị giải thể công ty nhà nước gồm:

1. Công ty nhà nước tự đề nghị.

2. Cơ quan quyết định thành lập hoặc các cơ quan chức năng khi thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, phát hiện công ty nhà nước rơi vào tình trạng phải giải thể.

Điều 31. Thẩm quyền quyết định giải thể công ty nhà nước

1. Người quyết định thành lập công ty nhà nước là người quyết định giải thể công ty nhà nước.

2. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể công ty nhà nước và công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 32. Hội đồng giải thể công ty nhà nước

1. Người quyết định giải thể công ty

nhà nước phải thành lập Hội đồng giải thể công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là Hội đồng giải thể). Hội đồng giải thể có chức năng tham mưu cho người quyết định giải thể về việc quyết định giải thể công ty và tổ chức thực hiện giải thể công ty.

2. Hội đồng giải thể gồm đại diện các cơ quan sau:

- a) Cơ quan quyết định giải thể;
- b) Bộ Tài chính đối với công ty nhà nước do Bộ trưởng quyết định giải thể, Sở Tài chính - Vật giá đối với công ty nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể;
- c) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với công ty nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể;
- d) Công đoàn công ty nhà nước bị giải thể;
- đ) Công ty nhà nước bị giải thể.

Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời thêm cán bộ, chuyên gia của cơ quan, tổ chức khác tham gia Hội đồng giải thể.

3. Đại diện cơ quan quyết định giải thể là Chủ tịch Hội đồng giải thể.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng giải thể

1. Thẩm định đề nghị giải thể công ty nhà nước trình người có thẩm quyền quyết định giải thể.
2. Lập phương án giải thể công ty nhà

nước trình người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức giải thể công ty nhà nước theo phương án được duyệt. Trường hợp tài sản đem bán đấu giá phải thực hiện theo quy định hiện hành về đấu giá tài sản.

4. Được sử dụng con dấu của công ty nhà nước để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Điều 34. Quyết định giải thể công ty nhà nước

1. Quyết định giải thể công ty nhà nước phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ công ty nhà nước bị giải thể;
- b) Ngày tuyên bố giải thể công ty nhà nước;
- c) Lý do giải thể.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải thể công ty nhà nước, quyết định này phải được thông báo cho người lao động trong công ty và được gửi đến:

- a) Người đề nghị giải thể công ty nhà nước;
- b) Công ty nhà nước bị giải thể;
- c) Cơ quan tài chính doanh nghiệp: đối với các công ty trực thuộc Trung ương gửi về Bộ Tài chính, đối với công ty trực thuộc địa phương gửi về Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Cơ quan kế hoạch và đầu tư: đối với các công ty trực thuộc Trung ương gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đối với công ty trực thuộc địa phương gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế công ty;

e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Thống kê, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty nhà nước bị giải thể đặt trụ sở chính và phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Điều 35. Thời hạn giải thể công ty nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị giải thể, người có thẩm quyền quy định tại Điều 31 Nghị định này ra quyết định giải thể công ty nhà nước và thành lập Ban Thanh lý để giúp việc Hội đồng giải thể. Trường hợp không quyết định giải thể công ty nhà nước, cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị.

2. Thời gian giải thể công ty nhà nước không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định giải thể công ty có hiệu lực. Trường hợp đặc biệt được người quyết định giải thể công ty đồng ý bằng văn bản, thời gian giải thể công ty có thể kéo dài thêm không quá 02 tháng.

Điều 36. Trách nhiệm của công ty nhà nước bị giải thể

1. Khi có quyết định giải thể, công ty

nhà nước bị giải thể phải đăng báo hàng ngày của Trung ương và địa phương trong 03 số liên tiếp với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ công ty nhà nước bị giải thể;

b) Số, ngày, tháng, năm của quyết định giải thể và cơ quan ra quyết định giải thể;

c) Ngày công ty nhà nước chấm dứt hoạt động;

d) Thời gian yêu cầu các chủ nợ đến đối chiếu nợ.

2. Kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, công ty nhà nước bị giải thể có trách nhiệm:

a) Chấm dứt các hoạt động: kinh doanh, thanh toán các khoản nợ phải trả, cho thuê, cho mượn tài sản, giữ hộ tài sản;

b) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;

c) Lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả (chia ra nợ có bảo đảm, nợ có bảo đảm một phần, nợ không có bảo đảm); danh sách khách nợ và số nợ phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi);

d) Trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, công ty phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

- Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và

các tài liệu liên quan đến giải thể của công ty; danh sách các chủ nợ, khách nợ của công ty.

- Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của công ty (kể cả tài sản chưa thu hồi được), tài sản nhận giữ hộ, đi mượn, đi thuê.

Điều 37. Trình tự giải thể công ty nhà nước

Sau khi có quyết định giải thể và đăng báo giải thể công ty nhà nước, việc giải thể công ty thực hiện theo các bước chủ yếu sau:

1. Công ty nhà nước bị giải thể thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định này.

2. Hội đồng giải thể:

a) Thu hồi con dấu của công ty nhà nước bị giải thể để phục vụ việc giải thể;

b) Lập phương án giải thể công ty nhà nước trình người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tổ chức giải thể công ty nhà nước theo phương án được duyệt;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, sau khi kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể phải lập báo cáo tài chính về giải thể công ty nhà nước trình người quyết định giải thể công ty; nộp lại con dấu của công ty nhà nước bị giải thể cho cơ quan Công an và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty nhà nước bị giải thể cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi công ty đã đăng ký

kinh doanh; đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương trong 03 số liên tiếp về việc kết thúc giải thể công ty nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 50/CP ngày 28 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 38/CP ngày 28 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 50/CP.

2. Công ty nhà nước đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực, không phải đăng ký kinh doanh lại.

3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải